

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày: 16/5/2022

V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Số 1C2 khu di dân Hồ Việt Xô, phường B Đ, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

- Bị đơn: + Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

+ Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P H, xã B P, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Nguyễn Nam H trình bày nội dung khởi kiện như sau:

Tôi có quan hệ quen biết với vợ chồng anh chị C, L thông qua một người bạn của tôi.

Vào đầu tháng 3/2014, anh chị C L có đến nhà tôi đặt vấn đề rủ chung vốn để đầu tư bất động sản trên địa bàn huyện Thạch Thất. Do tôi không biết tình hình

đất đai ở Thạch Thất như thế nào nên tôi không đồng ý chung vốn nhưng tôi có thể cho vợ chồng anh chị C L vay tiền. Vợ chồng anh chị C, L đồng ý vay tiền của tôi. Hai bên thỏa thuận, tôi cho vay tiền, khi bán được đất thì vợ chồng C L trả tiền hoa hồng cho tôi. Nếu lãi nhiều thì trả hoa hồng nhiều, lãi ít thì trả hoa hồng ít chứ hai bên không thỏa thuận lãi suất vay.

Sau khi thống nhất chuyện vay tiền thì tôi chuyển vào tài khoản của chị L ở ngân hàng Techcombank làm 03 đợt: Đợt 1, ngày 06/3/2014, tôi chuyển 50.000.000đ; Đợt 2, ngày 07/3/2014, tôi chuyển 70.000.000đ; Đợt 3, ngày 17/3/2014, tôi chuyển 200.000.000đ. Tổng 3 đợt là 320.000.000đ.

Ngày 13/3/2014 và ngày 17/3/2014, tôi trực tiếp vào nhà anh chị C, L để đề nghị viết giấy nhận nợ đối với 3 khoản tiền tôi đã chuyển qua ngân hàng nêu trên. Anh chị C L đề nghị tôi cho vay thêm 80.000.000đ để cho tròn 400.000.000đ cho dễ nhớ. Chính vì vậy, vợ chồng anh chị C L đã viết cho tôi 02 giấy vay tiền, cụ thể:

- Giấy vay tiền đề ngày 13/3/2014, anh chị C L vay tôi số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, không lãi suất, mục đích vay để đầu tư đất. Chị L ký giấy vay tiền.

- Giấy vay tiền đề ngày 17/3/2014, anh chị C L vay tôi số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 20 ngày, không lãi suất, mục đích vay để đầu tư đất. Chị L ký giấy vay tiền.

Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng anh chị C, L có gọi tôi đến nhà ở thôn P H, xã B P và nói rằng chưa bán được đất nên chưa có tiền trả cho tôi. Sau đó đề nghị tôi cho vay thêm 600.000.000đ nữa và hẹn 15 ngày sẽ trả nợ cũ và nợ mới là 1.000.000.000đ.

Do đó, ngày 20/5/2014, chúng tôi lập giấy vay tiền đề ngày 20/5/2014, số tiền vay là 600.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, không lãi suất, mục đích vay để đầu tư đất. Chị L và anh C ký giấy vay tiền.

Ngày 27/5/2014, vợ chồng C, L mời tôi vào nhà và thông báo với tôi rằng đã bán được đất nhưng thiếu tiền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng C L đã mua, nên vợ chồng C, L đề nghị tôi cho vay thêm 150.000.000đ nữa và hứa trong vòng 02 tuần sẽ trả lại toàn bộ nợ cũ 1.000.000.000đ và nợ mới 150.000.000đ và tiền hoa hồng.

Do đó, tôi cho vay thêm 150.000.000đ và lập giấy vay tiền đề ngày 27/5/2014, số tiền vay 150.000.000đ, thời hạn vay là 12 ngày, không lãi suất, mục đích vay để đầu tư đất. Chị L và anh C ký giấy vay tiền.

Tổng cộng anh chị C, L đã vay của tôi bốn lần là: 1.150.000.000đ.

Sau khi đến hạn, tôi có đến nhà anh chị C, L đòi tiền nhiều lần, mỗi lần anh chị đưa tôi được một ít, có lần được 5.000.000đ, có lần được 10.000.000đ, do thời

gian đã lâu nên tôi không nhớ được cụ thể từng lần đưa tiền. Tính đến sau khi vay lần thứ 4 khoảng 06 tháng thì anh chị C L đã trả tôi được 85.000.000đ tiền hoa hồng. Khi giao nhận tiền hoa hồng chúng tôi không lập biên bản với nhau vì tin tưởng nhau.

Sau thời điểm đó thì anh chị C, L không trả tôi thêm được đồng nào nữa. Đến tháng 06/2016 anh chị C, L bỏ trốn khỏi địa phương, tôi đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả. Đến nay anh chị C L đã trở về địa phương nên tôi làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án. Tôi đề nghị Tòa án buộc anh chị C L trả lại tôi số tiền của 04 lần vay là 1.150.000.000đ tiền nợ gốc. Tôi không yêu cầu tiền lãi đối với khoản vay này kể từ thời điểm vay đến nay.

Số tiền này là tài sản riêng của tôi, không pH là tài sản chung của vợ chồng, vợ tôi là bà Nguyễn Thị Ngọc không L quan gì đến khoản vay này nên đề nghị Tòa án không đưa bà Ngọc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Buộc bị đơn trả lại nguyên đơn số tiền của 04 lần vay là 1.150.000.000đ tiền nợ gốc. Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với các khoản vay này kể từ thời điểm vay đến nay.

Đối với phía bị đơn là ông Nguyễn Hữu C và bà Đỗ Thị L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập phía bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định pháp luật. Cụ thể:

Ngày 14/12/2021, TAND huyện Thạch Thất đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho phía bị đơn qua đường bưu điện, ngày 17/12/2021, phía bị đơn đã nhận được thông báo này.

Tại biên bản làm việc ngày 21/3/2022, TAND huyện Thạch Thất cùng Công an xã B P và ông Nguyễn Văn T – Phó Trưởng thôn P H, xã B P, huyện Thạch Thất đến nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu C, bà Đỗ Thị L để tổng đạt văn bản tố tụng là Thông báo số 124/2022/TB-TA ngày 21/3/2022 của TAND huyện Thạch Thất, đồng thời lấy lời khai ghi ý kiến của ông C, bà L về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi đến nơi cư trú của ông C, bà L thì cổng khóa từ phía bên trong, cán bộ Tòa án cùng Công an xã B P gọi cửa nhưng không có ai ra mở cửa mặc dù có người ở trong nhà. Ông T – Phó Trưởng thôn P H cho biết, ông C, bà L vẫn thường xuyên sinh sống tại đây. Vì vậy, TAND huyện Thạch Thất tiến hành tổng đạt văn bản trên cho bên thứ ba là ông Nguyễn Văn T – Phó Trưởng thôn P H. Ông T cam kết giao lại tận tay cho ông C, bà L trước 00 giờ ngày

23/3/2022. Đồng thời lập biên bản về việc không ghi được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản làm việc ngày 24/3/2022, TAND huyện Thạch Thất cùng Công an xã B P đến nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu C, bà Đỗ Thị L để tổng đạt văn bản tố tụng là Thông báo số 132/2022/TB-TA ngày 24/3/2022 của TAND huyện Thạch Thất. Tuy nhiên, khi đến nơi cư trú của ông C, bà L thì cổng khóa từ phía bên trong, cán bộ Tòa án cùng Công an xã B P gọi cửa nhưng không có ai ra mở cửa mặc dù có người ở trong nhà. Vì vậy, TAND huyện Thạch Thất tiến hành tổng đạt văn bản trên cho bên thứ ba là ông Nguyễn Văn Th – Trưởng thôn P H. Ông Th cam kết giao lại tận tay cho ông C, bà L trước 00 giờ ngày 29/3/2022.

Tại các biên bản xác minh ngày 24/3/2022 và ngày 29/3/2022, ông Nguyễn Văn T – Phó Trưởng thôn và ông Nguyễn Văn Th – Trưởng thôn xác nhận đã tổng đạt được các thông báo nêu trên cho phía bị đơn đúng thời hạn theo yêu cầu tại các biên bản làm việc nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2022, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Ngọc trình bày:

Tôi là vợ ông Nguyễn Nam H, là nguyên đơn trong vụ án đòi tài sản đối với anh Nguyễn Hữu C và chị Đỗ Thị L ở thôn P H, xã B P, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội.

Tôi được biết vào năm 2014, chồng tôi là ông Nguyễn Nam H có cho anh Nguyễn Hữu C và chị Đỗ Thị L vay tiền, tổng số tiền vay là 1.150.000.000đ. Đến nay vợ chồng anh chị C L chưa trả được tiền cho chồng tôi nên chồng tôi làm đơn khởi kiện vợ chồng anh chị C, L ở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội.

Tôi xác nhận, đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Nam H, không pH là tài sản chung của vợ chồng tôi nên tôi không có quyền lợi gì L quan đến khoản nợ này. Tôi đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Nhận định về tố tụng.

1.1. Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Thạch Thất nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là ông Nguyễn Hữu C và bà Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt phía bị đơn.

1.3. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho phía bị đơn tại địa chỉ cư trú của bị đơn đã đăng ký và được ghi trong hợp đồng theo quy định tại Điều 177, 179 của BLTTDS nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS 2015, phía bị đơn đã tự T bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phía bị đơn PH chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại điều luật nêu trên, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

2. Nhận định về nội dung vụ án.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền vay là 1.150.000.000đ theo các giấy vay tiền đề ngày 13/3/2014, 17/3/2014, 20/5/2014 và ngày 27/5/2014.

+ Xét tính pháp lý của các giấy vay tiền nêu trên, HĐXX thấy rằng đây là các hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi, nội dung thỏa thuận được lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của các bên giao kết, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, các hợp đồng này có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

+ Về thực hiện hợp đồng: Thực hiện các hợp đồng nêu trên phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình cụ thể:

Phía nguyên đơn chuyển cho phía bị đơn số tiền 200.000.000đ thông qua Giấy chuyển tiền nhanh ngày 06/3/2014 với số tiền là 50.000.000đ, giấy nộp tiền ngày 07/3/2014 với số tiền 70.000.000đ (tại Techcombank) và ngày 13/3/2014, nguyên đơn đưa trực tiếp cho bị đơn 80.000.000đ tiền mặt. Sau đó hai bên xác

nhận bằng Giấy vay tiền đề ngày 13/3/2014 với số tiền vay là 200.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, không lãi suất.

Ngày 17/3/2014, phía nguyên đơn chuyển cho phía bị đơn vay 200.000.000đ theo ủy nhiệm chi ngày 17/3/2014 tại Techcombank, sau đó hai bên xác nhận bằng Giấy vay nợ đề ngày 17/3/2014 với số tiền vay là 200.000.000đ thời hạn vay là 20 ngày, không lãi suất.

Ngày 20/5/2014, phía nguyên đơn đưa trực tiếp cho phía bị đơn vay 600.000.000đ tiền mặt, sau đó hai bên xác nhận bằng Giấy vay nợ đề ngày 20/5/2014 với số tiền vay là 600.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, không lãi suất.

Ngày 27/5/2014, phía nguyên đơn đưa trực tiếp cho phía bị đơn vay 150.000.000đ tiền mặt, sau đó hai bên xác nhận bằng Giấy vay nợ đề ngày 27/5/2014 với số tiền vay là 150.000.000đ, thời hạn vay là 12 ngày, không lãi suất.

Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Vì vậy, bị đơn cũng pH thực hiện nghĩa vụ thanh toán ghi trong hợp đồng theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Nguyên đơn cho rằng, đến thời hạn trả nợ phía bị đơn không trả được nợ gốc cho phía nguyên đơn, phía bị đơn không có ý kiến trình bày, không đến Tòa án làm việc, phía bị đơn tự T bỏ quyền chứng minh của mình nên HĐXX căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để xác định phía bị đơn chưa trả nợ gốc cho phía nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

Về lãi suất: Phía nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên phía bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 46.500.000đ (*Bốn mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tại phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 227, 228, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam H: Buộc ông Nguyễn Hữu C và bà Đỗ Thị L pH trả cho ông Nguyễn Nam H số tiền còn nợ theo các Giấy vay tiền ngày 13/3/2014, ngày 17/3/2014, ngày 20/5/2014 và ngày 27/5/2014

là 1.150.000.000đ (Một tỉ, một trăm, năm mươi triệu đồng).

2. Án phí: Ông Nguyễn Hữu C và bà Đỗ Thị L pH chịu 46.500.000đ (*Bốn mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ninh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

